

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-4-2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, thông báo dời lịch xét xử số 14/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lại Thị B, sinh năm 1999; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã TX, huyện B, tỉnh Bến Tre

**- Bị đơn:** Anh Võ Minh Q, sinh năm 1999; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã MT, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lại Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Minh Q tự nguyện kết hôn năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri vào năm 2019. Sau khi

kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau này, anh Q không lo làm ăn, chỉ ở nhà nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà. Chị phải lo đi làm kiếm tiền nuôi con, còn anh Q không hề lo lắng cho vợ con. Dù chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Q không chịu sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và có lần anh Q hành hung chị. Càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng nên anh chị đã chính thức sống ly thân khoảng hơn 3 tháng nay. Nay chị nhận thấy mình đã không còn tình cảm và vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Võ Thị Bảo T, sinh ngày 15/02/2017. Hiện cháu T đang sống cùng anh Q và gia đình bên nội. Chị giao con cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Võ Minh Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lại Thị B tự nguyện kết hôn năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh Q thừa nhận lời trình bày của chị Thảo về thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân là đúng. Tuy nhiên, hiện anh còn thương vợ con và hiện nay anh đã đi làm nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Bảo T, sinh ngày 15/02/2017. Hiện cháu T đang sống cùng anh. Trường hợp Tòa giải quyết cho anh và chị Thảo ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lại Thị B ly hôn với anh Võ

Minh Q. Về con chung: giao con chung Võ Thị Bảo T, sinh ngày 15/02/2017 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận anh Q không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị B và anh Võ Minh Q kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị Thảo và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Thảo và anh Q đều cho rằng cả hai đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà chỉ nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà có lần chị Thảo khuyên can thì anh Q còn hành hung chị Thảo dẫn đến vợ chồng đã ly thân hơn 03 tháng nay. Anh Q cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nhưng phía chị Thảo cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng và hiện chị đã không còn tình cảm với anh Q nên cương quyết ly hôn. Qua làm xác minh tại địa phương đã thể hiện việc chị Thảo và anh Q có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của cả hai. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng từ sự tự nguyện của đôi bên và chỉ được duy trì bền vững dựa trên lòng tin, trách nhiệm, sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong mối quan hệ hôn nhân giữa chị Thảo và anh Q đã không còn trách nhiệm, sự thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Trong thời gian ly thân đến ngày xét xử, anh Q dù không muốn ly hôn nhưng cũng không có động thái để thuyết phục chị Thảo hàn gắn gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Thảo và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị Thảo là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Thảo và anh Q có 01 con chung tên Võ Thị Bảo T, sinh ngày 15/02/2017. Hiện cháu T đang sống cùng anh Q và gia đình nội. Chị Thảo cũng đồng ý giao cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời anh Q cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nếu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cho cuộc sống, việc học hành cũng như việc phát triển tâm sinh lý của cháu T được ổn định. Anh Q tự nguyện không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lại Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị B đối với anh Võ Minh Q.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lại Thị B ly hôn với anh Võ Minh Q.

2. Con chung: Giao con chung là Võ Thị Bảo T, sinh ngày 15/02/2017 cho anh Võ Minh Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Q tự nguyện không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lại Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị Thảo lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lại Thị B phải nộp án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009064 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Lại Thị B đã nộp xong án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Nguyễn Duy Linh**